

Bản án số: 403/2024/DS-PT

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười.

Ông Ngô Đức Thọ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1548/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lâm Chí N, sinh năm 1984; có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Hoàng N1 – Công ty L Tạ Nguyệt T. Địa chỉ: Số H, H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Trương Mỹ V, sinh năm 1963; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1959; vắng mặt.

3.2. Ông Lê Văn O, sinh năm 1953; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông Trương Tuấn K, sinh năm 1958; vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lâm Chí N - Là nguyên đơn.

NHẬN THẤY:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lâm Chí N trình bày:* Nguồn gốc phần đất là của bà ngoại của anh N tên Trương Lệ M cho lại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1 quản lý sử dụng đến năm 1995 bà H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 bà H1 chết để lại phần đất diện tích 10.150m² cho anh N nhận thừa kế, đến năm 2020 anh N làm thủ tục đã kê khai nhận nhận thừa kế.

Đến khoảng tháng 3/2020 anh N yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ đo đạc để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa anh và bà V không thống nhất ranh đất với nhau nên phát sinh tranh chấp. Qua đo đạc thực tế phát hiện diện tích 1.202,2m² của gia đình anh nhưng do bà V lấn chiếm và đang quản lý sử dụng. Việc bà V lấn chiếm để sử dụng từ thời gian nào anh N cũng không biết, nên anh cũng không ngăn cản.

Do đó anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả lại cho anh diện tích 1.202,2m² thuộc thửa 469, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn bà Trương Mỹ V trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha bà tên Trương Văn N2 (đã chết năm 1974). Sau khi ông N2 chết để lại phần đất diện tích 1.202,2m² cho chị em bà là Trương Mỹ H, Trương Tuấn K và bà Trương Mỹ V canh tác, đến khoảng năm 1997 thì bà H ra riêng nên giao lại cho bà V sử dụng đất cho đến nay, quá trình bà V sử dụng đất không có tranh chấp. Do phần đất ở dưới mé sông là đất biên nên gia đình bà V chưa có đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến khoảng tháng 3/2020 khi anh N yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đến đo đạc để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, lúc đó bà V mới biết là đất của bà đang sử dụng nhưng lại nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh Lâm Chí N, lúc đó anh N còn nói là sẽ tách phần đất của bà ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N. Nhưng sau đó thì ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu bà V trả đất.

Nay bà V không đồng ý giao trả lại diện tích 1.202,2m² đất theo yêu cầu của anh N và bà V yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H1 đối với diện tích 1.202,2m² thuộc thửa 469, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tuấn K trình bày:* Nguồn gốc đất là của cha ông tên Trương Văn N2 để lại diện tích khoảng 2 công

tầm cây, năm 1974 cha ông chết để lại phần đất cho chị em ông quản lý sử dụng đến nay đã hơn 30 năm không tranh chấp. Nay anh N yêu cầu bà V giao trả phần đất thì ông K không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án xác minh giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông K và bà Trương Mỹ H đã thống nhất giao lại cho bà Trương Mỹ V sử dụng, ông K không có tranh chấp với bà V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ H có ý kiến:* Bà H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà V. Khi cha ruột của bà H là ông N2 còn sống thì ông N2 canh tác ruộng, sau khi ông N2 chết, bà H sử dụng đất được một thời gian thì nước mặn tràn vào thì gia đình bà có thả tôm cua canh tác sau đó bà giao lại cho bà V canh tác cho đến nay. Bà H không đồng ý trả phần đất theo yêu cầu của anh N và bà yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ để giải quyết vụ án, bà không có tranh chấp với bà V đối với phần đất hiện bà V đang sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn O trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà V, ông xác định từ khi ông về sống chung với bà V từ năm 1998 thì phần đất đang tranh chấp đã do gia đình vợ ông quản lý sử dụng, phía gia đình anh N không có sử dụng cũng không có ngăn cản hay tranh chấp gì.

- *Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có ý kiến:* Phần đất tranh chấp giữa ông Lâm Chí N và bà Trương Mỹ V có diện tích 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, đứng tên bà Nguyễn Thị H1. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1 là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ dân kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà, do Đoàn công tác của Sở địa chính tỉnh Minh Hải (cũ) xét dựa trên bản đồ 299 (bản đồ không ảnh) nên có một số hạn chế nhất định: Có trường hợp cấp sai chủ sử dụng, cấp nhầm thửa, sai vị trí, vì vậy đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị H1 đối với phần đất tranh chấp diện tích 1.108m², đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hải kiểm tra, làm rõ và giải quyết theo quy định của pháp luật, việc bà Trương Mỹ V xác định phần đất tranh chấp nêu trên thì gia đình bà đã quản lý, sử dụng cách đây hơn 30 năm. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện G lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1. Vấn đề này đề nghị Tòa án xác minh làm rõ.

Người làm chứng ông Trương Văn K1, ông Trương Văn Y, bà Huỳnh Thị N3 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Trương Văn N2 sử dụng, sau này ông N2 chết để lại cho các con của ông N2 tên Trương Mỹ V, Trương Mỹ H quản lý sử dụng để nuôi tôm, cua cho đến nay hơn 30 năm. Ông N2 và các con của ông N2 sử dụng liên tục, phía gia đình anh N không có sử dụng phần đất này và cũng không có ngăn cản.

Người làm chứng ông Võ Đồng O1 trình bày: Nguồn gốc phần đất là của ông Trương Văn N2, sau này ông N2 chết thì để lại cho các con của ông N2 là Trương Mỹ H, Trương Mỹ V, Trương Tuấn K quản lý sử dụng cho đến nay. Phần đất này ông N2 sử dụng từ năm 1966 đến năm 1974 thì ông N2 chết để lại cho các con ông N2 sử dụng đến năm 2020 thì mới phát sinh tranh chấp với ông N. Trước đây khi ông N2 còn sống thì sử dụng phần đất để trồng lúa, sau này nước mặn tràn vào thì bà H, bà V có thả tôm, cua. Gia đình anh N không có sử dụng phần đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lâm Chí N về việc yêu cầu bà Trương Mỹ V giao trả phần đất diện tích là 1.202,2m² đất tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Mỹ V yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Nguyễn Thị H1, theo quyết định số: 214/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân huyện G ngày 14/6/1995, đến năm 2020 đã thừa kế cho ông Lâm Chí N.

Bà Trương Mỹ V được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/4/2023, nguyên đơn anh Lâm Chí N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N buộc bà V giao trả lại cho anh N diện tích là 1.202,2m² đất tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn anh Lâm Chí N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Trương Mỹ V giao trả phần đất diện tích là 1.202,2m² đất trong đó có diện tích 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do bà H1 và bà P sang nhượng của ông Trương Văn B vào năm 1986 với diện tích 8 công đất tương đương 10.000m² đất, phần đất của bà H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà H1 chết ông N kê khai thừa kế quyền sử dụng đất, đến khi đo đạc lại phần đất mới biết bà V lấn chiếm phần đất khoảng 1.202,2m² đất thuộc một phần thửa số 469, tờ bản đồ số

19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do bà H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, sửa án sơ thẩm, buộc bà V giao trả cho ông N 1.202,2m² đất thuộc một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn bà Trương Mỹ V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chí N hợp lệ, trong hạn luật định đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Lâm Chí N làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Trương Mỹ V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Mỹ V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại trích đo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 10/3/2021 (bút lục 108) đã xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.202,2m² trong đó có 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1 vào ngày 14/11/1995 và 94,2m² đất được bồi đắp từ Kênh H Kê.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/01/2021 (bút lục 89-90) xác định phần đất tranh chấp giữa anh Lâm Chí N và bà Trương Mỹ V tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu có tứ cận:

Hướng Đông giáp Kênh Huyện Kê cạnh dài 32,6m.

Hướng Tây giáp phần đất ông Lâm Chí N cạnh dài 32,6m.

Hướng Nam giáp phần đất ông Lâm Chí N cạnh dài 37m.

Hướng Bắc giáp phần đất bà Trương Mỹ V cạnh dài 37m.

Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất nuôi trồng thủy sản hiện do gia đình bà Trương Mỹ V sử dụng. Trên đất có một số cây trồng các bên thống nhất

không tranh chấp và không yêu cầu định giá. Tại biên bản định giá cùng ngày 28/01/2021 Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá đất nuôi trồng thủy sản thực tế tại địa phương có giá là 36.000 đồng/m².

Nguyên đơn anh N cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ ngoại Trương Lê M cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H1, sau đó bà H1 đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Năm 2013, bà H1 chết để lại cho anh N thừa kế quyền sử dụng đất. Năm 2020, khi ông N yêu cầu đo đạc lại diện tích đất để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N mới phát hiện bà V đang quản lý sử dụng đất của gia đình anh nên ông khởi kiện đòi bà V trả lại cho ông thửa đất số 469, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn bị đơn bà V thì khai rằng phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha ruột bà là ông Trương Văn N2 sử dụng trước năm 1975. Sau khi ông N2 chết các con ông N2 là ông K, bà H, bà V tiếp tục quản lý sử dụng. Do phần đất là đất biên cặp mé sông nên gia đình bà V chưa kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất. Đến năm 2020 khi anh N đo đạc lại đất yêu cầu ký tên giáp ranh do phần đất của bà V với đất của anh N cạnh nhau thì được biết phần đất của gia đình bà V đang sử dụng nhưng thuộc thửa 469 do bà H1 (mẹ ruột của anh N) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên bà V yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị H1 vào ngày 14/11/1995 đối với diện tích 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, bà V không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông N.

Xét thấy tại Văn bản số: 1394/UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân vào năm 1995 là dựa trên bản đồ không ảnh năm 1995, các hộ dân kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hội đồng của xã họp xét duyệt và lập danh sách đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm bị đơn bà V khai phần đất tranh chấp của cha bà là ông Trương Văn N2 sử dụng đến năm 1974 cha bà V hy sinh nên các con của ông N2 tiếp tục sử dụng đất, trước đây có ông Trương Tuấn K, bà Trương Mỹ H canh tác sau đó giao lại cho bà V canh tác đến nay trên 30 năm. Nguyên đơn ông N cũng thừa nhận từ trước đến nay gia đình ông không có sử dụng đất này. Những người làm chứng có lời khai đều xác nhận phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Trương Văn N2 sử dụng, sau khi ông N2 chết các con ông N2 tiếp tục sử dụng và hiện nay do bà V đang quản lý sử dụng.

Như vậy, có căn cứ xác định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 đối với thửa 469, tờ bản đồ số 19, địa chỉ ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu chỉ căn cứ vào bản đồ không ảnh và đơn đăng ký của các hộ dân

chứ không tiến hành đo đạc, không có biên bản xác định ranh giới mốc giới giữa các thửa đất của người kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “1- Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 2- Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N4 dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền N Việt Nam và N4; 3- Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp có đất sản xuất.”

Xét thấy, việc bà H1 kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với thửa 469, tờ bản đồ số 19, địa chỉ ấp H, xã L, huyện L, không có tiến hành đo đạc thực tế đất, nên không xác định bà V là người trực tiếp quản lý sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 đối với thửa 469, tờ bản đồ số 19, địa chỉ ấp H, xã L, huyện L là không đúng theo quy định tại Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V.

Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh N đòi bà V trả lại có diện tích 1.202,2m² trong đó có 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và chấp nhận yêu cầu của bà V hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H1 đối với 1.108m² tại một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 (theo bản đồ 299) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lâm Chí N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có xuất trình giấy tay sang nhượng đất (bản pho to) ghi cụ Trương Văn B bán cho bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị P1.

Xét “Giấy sang nhượng đất lại cho 2 cháu” bản photo do ông Trương Văn B và Trương Văn T1 lập ngày 21/5/1986 do anh N cung cấp có nội dung: Năm 1984 ông B và ông T1 có nhượng cho bà H1 4 công đất với 100 giá lúa.

Tuy nhiên, giấy sang nhượng không thể hiện số thửa đất, loại đất sang nhượng và vị trí của diện tích đất sang nhượng. Ngoài ra “Giấy sang nhượng đất” viết tay chỉ có ông T1 và ông B ký tên, bà H1 không có tên trên tờ nhận sang nhượng đất và không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, chứng thực việc sang nhượng đất. Nên không có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh N và ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho anh N.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

Tuy nhiên, phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, cần sửa lại cách tuyên cho chính xác: Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lâm Chí N về việc yêu cầu bà Trương Mỹ V giao trả cho anh Lâm Chí N diện tích 1.202,2m² đất tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; chấp nhận yêu cầu của bà V: Hủy một phần Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 14/10/1995 (theo quyết định số: 214/QĐ.UB ngày 14/6/1995 của Ủy ban nhân dân huyện G) đối với diện tích 1.108m² thuộc một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lâm Chí N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Chí N.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lâm Chí N về việc yêu cầu bà Trương Mỹ V giao trả cho anh Lâm Chí N diện tích 1.202,2m² đất tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Mỹ V: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 14/10/1995 (theo quyết định số: 214/QĐ.UB ngày 14/6/1995 của Ủy ban nhân dân huyện G) đối với diện tích 1.108m² thuộc một phần thửa số 469, tờ bản đồ số 19 loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trương Mỹ V được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Lâm Chí N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000420 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**